

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 57

Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Năm Thức Thân Tương Ứng và Địa Ý

Đoạn 7:

Như thế là đã nói về “Duyên khởi Thiện xảo”. Phần thiện xảo của Xứ phi Xứ nay sẽ nói. Tụng nêu:

Thể hiển hiện đầu.

Môn sai biệt sau.

Hỏi: Những gì là Xứ?

Đáp: Đối với các thứ sự lý kia không có mâu thuẫn.

Hỏi: Những gì là Phi Xứ?

Đáp: Nơi các thứ sự lý kia có trái nhau. Đó gọi là Thể của Xứ phi Xứ.

Hỏi: Do đâu đức Thế Tôn hiển bày, chỉ rõ về Xứ phi Xứ?

Đáp: Vì nhằm hiển bày chánh phương tiện thanh tịnh, nhiếp ô nơi Trí không hoại mất.

Hỏi: Nên dùng bao nhiêu môn để quan sát về Xứ phi Xứ?

Đáp: Dùng bốn môn. Do Đức Phật Thế Tôn chỉ dùng bốn môn để tuyên thuyết về tất cả Xứ phi Xứ. Bốn môn là:

1. Môn thành biện.
2. Môn hợp hội.
3. Môn chứng đắc.
4. Môn hiện hành.

Hỏi: Do duyên nào nên dùng bốn môn này nói về Xứ phi Xứ?

Đáp: Vì muốn thị hiện đầy đủ môn tất cả chủng sai biệt. Thế nào là tất cả chủng sai biệt? Nghĩa là dựa nơi môn thứ nhất: Môn thành biện, thì môn ấy không gồm thâu tướng sai biệt khác, tôi sẽ chỉ rõ. Nên

biết, sai biệt này lược nêu có ba thứ:

1. Đối tượng tạo tác vượt các căn.
2. Đối tượng tạo tác vượt đại chủng.
3. Đối tượng tạo tác vượt tài sản.

Đối tượng tạo tác vượt các căn: Nghĩa là không xứ, không vị (phần vị), mắt có thể nghe âm thanh, ngửi mùi hương, nếm vị, nhận biết các xúc chạm v.v... tất không có điều ấy (Vô thị xứ), có thể thấy các sắc, thì có điều ấy (Thị xứ). Như nhãn căn, các Sắc căn còn lại, mỗi mỗi cùng đối chiếu, dụng vượt sai biệt như chỗ thích hợp, nên biết.

Đối tượng tạo tác vượt đại chủng: Nghĩa là không xứ không vị. Địa có thể tạo tác các dụng của thủy, hỏa, phong, tất không có điều ấy. Có thể tạo các dụng của địa, thì có điều ấy. Như thế, các đại chủng còn lại lần lượt cùng đối chiếu, dụng vượt sai biệt như chỗ thích hợp, nên biết.

Đối tượng tạo tác vượt tài sản: Nghĩa là không xứ không vị, từ loại khác gieo trồng sanh mầm của loại khác, tất không có điều ấy. Chỉ do tự chủng loại, thì có điều ấy. Không xứ không vị, vắt nặn sừng bò v.v... mà ra sữa, tất không có điều ấy. Nặn vắt bầu sữa của bò, được sữa, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, xay trộn bình nước mà sanh ra tô tất không có điều ấy. Xay trộn nơi Lạc sanh ra tô thì có điều ấy.

Không xứ không vị, ép cát thành dầu tất không có điều ấy. Ép hạt mè v.v... thành dầu thì có điều ấy.

Dùi cây ướt mà ra lửa, tất không có điều ấy. Dùi xát cây khô sanh ra lửa thì có điều ấy.

Các loại như vậy, phải nên quan sát về tướng sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ nhất.

- Thế nào là chỗ sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ hai?

Nghĩa là không xứ không vị, ánh sáng bóng tối, một lúc hoà hợp, tất không có điều ấy. Nếu có một xứ, không có xứ thứ hai, thì có điều ấy. Không xứ không vị, phần thô nơi lửa nước một lúc hòa hợp, tất không có điều ấy. Tùy chỉ có một loại, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, hai tụ sắc thô cùng dựa vào một xứ, tất không có điều ấy. Nếu là một cực vi thì có điều ấy.

Không xứ không vị, đồng một chủng loại hai tâm tâm pháp cùng thời hợp hội, tất không có điều ấy. Mỗi mỗi mà sanh, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, cùng một chủng loại, hoặc thiện bất thiện, hoặc thiện vô ký, bất thiện vô ký, hoặc khổ hoặc vui cùng lúc hợp hội

tất không có điều ấy. Tùy có một loại, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, quả yêu thích không yêu thích cùng lúc hợp hội, tất không có điều ấy. Nếu tùy có một thứ thì có điều ấy.

Các loại như thế, phải nên quán xét về tướng sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ hai.

- Thế nào là chỗ sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ ba?

Nghĩa là không xứ không vị, Thạch nữ sanh con là không có điều ấy. Nếu không phải là Thạch nữ, sanh con, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, sanh Bán-trạch-ca có thể sanh nam nữ là không có điều ấy. Nếu các người đàn ông thì có điều ấy.

Không xứ không vị, người mắt mù thấy sắc, người tai điếc nghe âm thanh, kẻ mũi lưỡi bị hoại có thể ngửi nếm hương vị là không có điều ấy. Người có các căn không hoại, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, chưa đủ tư lương, ở trong hiện pháp chứng đắc giải thoát rốt ráo của bậc Học, Vô học, là không có điều ấy. Đã đủ tư lương, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, chưa được Thánh đạo mà có thể chứng đắc Niết bàn cùng chứng Bồ đề Thanh Văn, Độc giác, hoặc chứng đắc Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, là không có điều ấy. Đã được Thánh đạo, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, hữu tình của cõi người, dùng cỏ v.v... của cõi Bàng sanh để ăn uống, để có đủ các chi phần kết hợp. Hoặc các thiên chúng, ăn uống như con người. Hoặc nơi cõi Sắc, Vô Sắc ăn uống các thứ đoạn thực v.v... là không có điều ấy. Cùng với các điều trên trái nhau, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, không xả bỏ thân hình Na-lạc-ca hiện có mà được thân người. Như thế, không xả bỏ thân hình còn lại mà được thân hình khác là không có điều ấy. Xả bỏ rồi mới được, thì có điều ấy.

Các loại như thế phải nên quán xét về tướng sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ ba.

- Thế nào là những sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ tư?

Nghĩa là không xứ không vị, đất bỏ tự tướng thành tướng của Giới khác, là không có điều ấy. Không bỏ tự tướng, thì có điều ấy. Như đất, các đại chủng còn lại, như chỗ ứng hợp, nên biết.

Không xứ không vị, sanh trưởng nơi cõi dục, không được Thiên nhân mà có thể thấy sắc của chư thiên, là không có điều ấy. Thấy sắc trong cõi người, thì có điều ấy. Như thế, các căn khác, như chỗ ứng hợp, nên biết.

Không xứ không vị, người có tham ái, bị tham ái che phủ, tham ái chưa đoạn mà đối với của cải, lợi dưỡng tâm lìa nhiễm vướng là không có điều ấy. Như vậy, sân, si, theo chỗ ứng hợp, nên biết.

Không xứ không vị, không đoạn trừ tất cả phiền, tùy phiền nào trói buộc như tham v.v... mà tu bốn Niệm trụ là không có điều ấy. Cùng với đây trái nhau thì có điều ấy.

Như tu bốn Niệm trụ, các pháp phần Bồ đề còn lại, nên biết cũng thế.

Không xứ không vị, nơi trụ xứ của Như Lai, không xả bỏ tâm tranh chấp, dục tranh chấp, kiến tranh chấp, nếu không được chấp thuận, mà có thể đối diện nhìn thấy Như Lai là không có điều ấy. Nếu xả bỏ, hoặc chấp thuận, thì có điều ấy.

Không xứ không vị, tất cả bậc trí, nơi tất cả sự nhận thức, có cảnh được nhận biết mà không biết rõ, hoặc lại mất niệm, cho không phải là điều đã làm của bậc Nhất thiết trí, là không có điều ấy. Cùng với đây trái nhau thì có điều ấy.

Không xứ không vị, các Bồ tát đã vào địa lớn, đối với các Hữu tình khởi tâm cố hại, hoặc tâm Bồ đề đang có thối chuyển, là không có điều ấy. Cùng với đây trái nhau thì có điều ấy.

Các loại như thế phải nên quán xét về tướng sai biệt của môn Xứ phi Xứ thứ tư.

Lại nữa, lược có bốn Xứ, bốn phi Xứ, dựa vào đạo lý pháp nhĩ đã nói ở trước, nên quán xét đúng đắn. Nếu đối với các đạo lý đã nói như thế không cùng chống trái, nêu bày chỉ rõ trái với đây, thì đó gọi là Phi Xứ.

Bốn Xứ như thế, cùng với các Xứ phi Xứ đã nói ở trước hợp thành tám Xứ, phi Xứ thiện xảo.

Hỏi: Duyên khởi thiện xảo và Xứ phi Xứ thiện xảo có sai khác gì?

Đáp: Chỉ ở nơi Đạo lý nhân quả sanh khởi, chánh trí được hiển bày rõ, gọi là thiện xảo của duyên khởi. Còn nếu đối với tất cả lý không điên đảo, chánh trí được hiện rõ, gọi là thiện xảo của Xứ phi Xứ. Phần thiện xảo của Xứ phi Xứ còn lại, Văn ở đây không nói đến nữa.

Như thế là đã thuyết minh về thiện xảo của Xứ phi Xứ. Về thiện xảo của Căn nay sẽ nói. Tụng nêu:

Đầu, nghĩa ý kiến lập.

Phân biệt rộng là sau.

Hỏi: Những gì là nghĩa của Căn?

Đáp: Nghĩa tăng thượng là nghĩa của Căn.

Hỏi: Là nhằm hiểu bày nghĩa gì?

Đáp: Là nhằm hiểu bày nghĩa tối thắng đối với các thứ pháp, các thứ sự kia.

Vì sao kiến lập hai mươi hai căn? Nghĩa là có thể giữ lấy nghĩa tăng thượng của cảnh nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự an lập gia tộc nối tiếp không gián đoạn nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của phương tiện hoạt động nơi sự nghiệp thuộc tánh mạng nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng nghiệp quả nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của thế gian thanh tịnh nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của xuất thế gian thanh tịnh nên kiến lập ba căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng cảnh hiển bày nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng cảnh ẩn chìm nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng thời phần, biên vực nơi cảnh giới, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng cảnh giới phát sanh tạp nhiễm nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự an lập thanh tịnh nên kiến lập tám căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của sự hiển bày việc thọ dụng cảnh giới của nội môn, nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự hiển bày việc thọ dụng cảnh giới của ngoại môn, nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng nội thân, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự thọ dụng ngoại cảnh cùng với nội thân phát sanh tạp nhiễm, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự đối trị tạp nhiễm, an lập thanh tịnh nên kiến lập tám căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa nơi đốn nghiêm nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng có thể khiến cho sự nương dựa tùy chuyển tự tại, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa, an trụ, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa xuất sanh nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa giảm, tăng, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự nương dựa giải thoát, nên kiến lập tám căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của việc hiển bày sự hữu tình nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc sanh khởi sự hữu tình nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng khiến cho sự hữu tình hoặc trụ hoặc mất, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc làm rõ các hữu tình thọ dụng cảnh giới, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc làm rõ các hữu tình sanh khởi phương tiện thù thắng,

nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc hiển bày các hữu tình quyết định phương tiện thù thắng nên kiến lập ba căn.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng nhằm hiển bày sự hữu tình nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng nhằm làm rõ về hữu tình tăng trưởng nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng nhằm hiển bày thọ lượng của hữu tình tổn giảm dần, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng nhằm làm rõ sự hưng thịnh, suy tổn của hữu tình nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng nhằm hiển bày về công đức và lỗi lầm của hữu tình, nên kiến lập tám căn.

Lại nữa, dựa vào tên gọi như thế nên kiến lập sáu căn. Dựa vào chủng loại như thế, tánh như thế, nên kiến lập hai căn. Dựa vào sự ăn uống như thế, thọ khổ vui như thế, nên kiến lập năm căn. Dựa vào sự sống lâu như thế, trụ lâu như thế, biên vực của thọ lượng như thế nên kiến lập một căn. Nên biết các căn này dựa nơi phẩm tại gia để nêu đặt, kiến lập. Dựa nơi tín như thế, tinh tấn như thế, cho đến Huệ như thế, Hưởng như thế, quả như thế, nên kiến lập tám căn. Nên biết các căn này là dựa nơi phẩm xuất gia để nêu đặt, kiến lập.

Lại nữa, vì nghĩa tăng thượng của việc dựa nơi sự tu hành phòng hộ căn môn, nên kiến lập sáu căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc có thể được xuất gia, chứng quả Sa-môn, nên kiến lập hai căn. Vì nghĩa tăng thượng của sự tích tập phẩm thiện, nên kiến lập một căn. Vì nghĩa tăng thượng của chánh tri mà hành, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của các đạo phương tiện để chứng quả Sa-môn, nên kiến lập năm căn. Vì nghĩa tăng thượng của việc chứng quả Sa-môn, nên kiến lập ba căn. Kệ nêu:

Theo các cảnh giới chuyển.

Do hiển cùng nội môn.

Trang nghiêm hai Hữu tình.

Giả thiết cùng phòng hộ.

Hỏi: Nhãn căn tạo những nghiệp gì?

Đáp: Đối với cảnh của các Sắc, đã thấy, đang thấy, sẽ thấy là nghiệp. Như thế thì Nhĩ căn cho đến Ý căn với chỗ tạo nghiệp hiện có, theo sự ứng hợp nên biết.

Hỏi: Nam căn, Nữ căn tạo những nghiệp gì?

Đáp: Thâu nhận năm tướng là cha, mẹ, vợ, con, thân thích quyến thuộc hiển hiện là nghiệp.

Hỏi: Mạng căn tạo những nghiệp gì?

Đáp: Khiến các hữu tình gắn liền với sự sống còn, trụ giữ trong

số là nghiệp.

Hỏi: Căn thuộc về Thọ tạo những nghiệp gì?

Đáp: Khiến các Hữu tình lãnh nạp hết thủy sự hưng thịnh, suy tổn, là nghiệp.

Hỏi: Các căn như Tín v.v... tạo những nghiệp gì?

Đáp: Có thể sanh nơi nẻo thiện, cùng có thể làm viên mãn tư lương của Niết-bàn, là nghiệp.

Hỏi: Ba căn sau cùng tạo những nghiệp gì?

Đáp: Có thể ở nơi hiện pháp hưởng chứng Niết-bàn, là nghiệp.

Hỏi: Các căn như thế, bao nhiêu thứ là thật có, bao nhiêu thứ là không thật có?

Đáp: Mười sáu thứ là thật có, các thứ còn lại là không thật có.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Sắc?

Đáp: Có bảy thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Tâm?

Đáp: Một thứ và phần ít của ba thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Tâm pháp?

Đáp: Phần ít của mười ba thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Tâm bất tương ưng hành?

Đáp: Một thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thuộc về Hữu vi?

Đáp: Tất cả là Hữu vi, không có căn là Vô vi.

Hỏi: Hai căn nam, nữ, những gì là căn phần?

Đáp: Thân ấy là căn phần.

Hỏi: Ba căn sau cùng, những gì là căn phần?

Đáp: Là chín căn phần, đó là Ý căn. Năm căn như Tín v.v... ba căn là Hỷ, Lạc, Xả.

Hỏi: Những gì là căn phần của Mạng căn?

Đáp: Ở đây không có tùy thuộc. Dựa vào nghiệp từ trước đã dẫn khởi thời lượng quyết định mà kiến lập, nên chỉ nói là giả có.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là Thiệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc năm và phần ít của sáu thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Bất thiện?

Đáp: Phần ít của sáu thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Vô ký?

Đáp: Tám thứ và phần ít của năm thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có Dị thực?

Đáp: Một thứ và phần ít của mười thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không có Dị thực?

Đáp: Mười một thứ và phần ít của mười thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có trợ bạn của Dị thực?

Đáp: Ba căn sau cùng có thể hỗ trợ pháp Dị thực đáng yêu thích khiến chuyển sáng, thanh, có thể chiêu cảm Dị thực quyết định nơi cõi người, Trời.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Dị thực?

Đáp: Một thứ và phần ít của chín thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là Dị thực của chúng tử?

Đáp: Hết thảy đều có.

Hỏi: Bao nhiêu thứ chẳng phải là Dị thực?

Đáp: Mười hai thứ và phần ít của chín thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Dị thực sanh?

Đáp: Tất cả thuộc về chúng tử, cũng là Dị thực sanh.

Hỏi: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Dục?

Đáp: Bốn thứ và phần ít của mười lăm thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Sắc?

Đáp: Phần ít của mười lăm thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Phần ít của tám thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Đáp: Ba thứ và phần ít của chín thứ.

Hỏi: Địa vị chí, bao nhiêu thứ có thể chứng đắc?

Đáp: Mười một thứ căn.

Hỏi: Nếu địa vị chí có Hỷ căn thì vì sao không như địa của Tịnh lự một kiến lập Hỷ?

Đáp: Do nơi địa kia, Hỷ có thể hoạt động.

Hỏi: Hỷ nơi địa kia có giáo pháp nào làm chứng?

Đáp: Như đức Thế Tôn nói: “Như thế là Bí-sô được hỷ lạc ly sanh làm thắm nhuần nơi thân, nhuần thắm cùng khắp, vui thích hiện bày khắp, không có phần ít nào mà không sung mãn. Như vậy gọi là Hỷ lạc ly sanh”.

Ở đây, môn đầu nói về phần vị Vị chí, môn sau nói về phần Vị căn bản.

Hỏi: Địa của Tịnh lự một, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Mười tám căn, địa của Tịnh lự hai cũng thế.

Hỏi: Địa của Tịnh lự ba, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Mười bảy căn.

Hỏi: Địa của Tỉnh lự bốn, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Mười sáu căn.

Hỏi: Địa của Xứ không Vô biên, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Mười một căn.

Như địa của Xứ không Vô biên, địa của Xứ Thức Vô biên, địa của Xứ Vô Sở Hữu nên biết cũng thế.

Hỏi: Địa của Xứ Phi tướng Phi Phi tướng, bao nhiêu căn có thể đạt được?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Các căn thuộc về địa của Tỉnh lự một nên nói là Hữu lậu hay Vô lậu?

Đáp: Nên nói cả hai thứ.

Như các căn thuộc về Tỉnh lự một, cho đến các căn thuộc về địa của Xứ Vô sở hữu, nên biết cũng thế. Các căn thuộc về địa của Xứ Phi tướng Phi Phi tướng, nên nói là Hữu lậu. Đây cũng là căn cứ nơi chủng loại. Nếu căn cứ nơi sự tương tục, nên nói cả hai thứ.

Lại, do nhằm giải thoát các phiền não nên khiến các căn kia thành tánh Vô lậu. Như Hữu lậu, Vô lậu, thì nên đoạn, không nên đoạn, thế gian, xuất thế gian, nên biết cũng vậy.

Hỏi: Nếu sanh nơi cõi dục, nên nói là thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có tất cả.

Hỏi: Sanh nơi Na-Lạc-Ca, thì có được bao nhiêu căn?

Đáp: Tám căn. Hiện hành, chủng tử đều có được.

Trừ ba thứ phần còn lại, hoặc có được, hoặc không có được. Ba thứ căn cứ nơi hiện hành thì không có được, căn cứ nơi chủng tử thì hoặc có được, nghĩa là pháp Bát-niết-bàn. Hoặc không có được, nghĩa là pháp không Bát-niết-bàn. Ba thứ khác, về Hiện hành thì không thành được, về chủng tử thì thành được.

Như sanh nơi cõi Na-Lạc-Ca, nơi cõi hoàn toàn khổ như Bàn sanh, Ngạ quỷ nên biết cũng thế. Nếu là Xứ thọ nhận khổ vui xen lẫn, thì ba thứ sau, hiện hành cũng được thành.

Hỏi: Nếu sanh nơi cõi người thì thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hết thảy.

Như sanh trong cõi người, sanh nơi cõi Trời cũng vậy.

Hỏi: Những người căn thiếu thì thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ năm, gồm có phần còn lại.

Hỏi: Những người đủ căn thì thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hết thảy.

Hỏi: Những kẻ Bán-trạch-thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ năm, gồm có phần còn lại.

Hỏi: Người nữ thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hai mươi mốt căn.

Hỏi: Người nam thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Cũng gồm hai mươi mốt căn.

Hỏi: Những kẻ hai hình thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười chín căn.

Hỏi: Kẻ đoạn thiện căn thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ tám, gồm có phần còn lại.

Hỏi: Người không đoạn thiện căn, thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hết thảy.

Hỏi: Các phàm phu thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Mười chín căn, trừ ba thứ sau.

Hỏi: Những người kiến đế thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hai mươi mốt căn.

Hỏi: Bạc Vô học thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười chín căn.

Hỏi: Bạc Hưởng quả Dự lưu thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có hai mươi căn.

Hỏi: Quả Dự lưu thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Cũng gồm có hai mươi căn.

Như quả Dự lưu, Hưởng quả Nhất lai, quả Nhất lai, Hưởng Quả Bất Hoàn nên biết cũng thế.

Hỏi: Quả Bất Hoàn thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười chín căn. Như quả Bất Hoàn, Hưởng A-la-hán cũng vậy.

Hỏi: Quả A-la-hán thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười chín căn.

Hỏi: Nếu sanh nơi cõi Sắc, thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười tám căn.

Hỏi: Sanh nơi cõi Vô sắc, thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Gồm có mười một căn.

Hỏi: Nếu lúc ở cõi dục mất, sanh lại nơi cõi dục, nên nói là bỏ bao nhiêu căn, được bao nhiêu căn?

Đáp: Lại căn cứ nơi Sắc căn có được mà nói. Hoặc bỏ các căn thiếu, được các căn thiếu. Hoặc bỏ các căn thiếu, được các căn đủ. Hoặc bỏ các căn đủ, được các căn thiếu. Hoặc bỏ các căn kém, được

các căn kém. Hoặc bỏ các căn kém, được các căn hơn. Hoặc bỏ các căn hơn, được các căn kém. Hoặc bỏ các căn hơn, được các căn hơn. Bỏ được hơn kém của ý căn, Mạng căn nên biết cũng thế.

Nếu các Thọ căn hơn kém, được bỏ, theo chỗ thích hợp cũng vậy. Đây là căn cứ nơi Quả Dị thực nên có sai biệt. Nếu các thiện căn căn cứ nơi Quả Đẳng lưu, thì bỏ căn kém lùi về trước, được căn hơn tiến dần về sau, không phải do sanh nên bỏ hơn được kém, tức do phương tiện tà vậy ở sau mới có nghĩa ấy. Ba căn sau cùng, nơi tất cả phần vị cùng trái nhau với sanh, thế nên không nói.

Hỏi: Lúc từ cõi Dục mất, sanh nơi cõi Sắc, bỏ bao nhiêu căn, được bao nhiêu căn?

Đáp: Nên bỏ tất cả nơi địa dưới, nên được tất cả địa trên. Như lúc ở nơi cõi dục mất, sanh nơi cõi Sắc, lúc từ cõi dục mất, sinh nơi cõi Vô sắc, lúc từ nơi cõi Sắc mất, sanh nơi cõi Vô sắc, nên biết cũng thế.

Ba căn sau cùng, do phương tiện chứng đắc quả Sa-môn mà được, không do mất, sanh. Do chỗ nhận giữ sức tu tập từ trước, nên quả Đẳng lưu sau chuyển thành mà sanh. Lại có thể làm duyên sanh quả Dị thực khiến chuyển sáng, thanh. Trong ấy Tụng nêu:

*“Nghĩa thật cùng có sắc
Thiện cùng với Dị thực
Hoặc giới hoặc các địa
Cùng tử sanh, được, bỏ”.*

Hỏi: Bao nhiêu căn do nghĩa của cảnh giới gọi là có nghĩa? Bao nhiêu căn không phải?

Đáp: Hai mươi một căn gọi là có nghĩa, một căn không.

Hỏi: Bao nhiêu căn ở nơi phi sắc theo nghĩa trợ bạn chuyển?

Đáp: Bảy sắc căn.

Hỏi: Bao nhiêu Sắc, phi Sắc làm trợ bạn?

Đáp: Số căn có nghĩa còn lại.

Hỏi: Năm Sắc căn là nghĩa gì?

Đáp: Năm thứ như Sắc v.v... đều là biệt cảnh.

Hỏi: Căn thứ sáu là nghĩa gì?

Đáp: Là tất cả pháp.

Hỏi: Nam căn, Nữ căn là nghĩa gì?

Đáp: Nhân nơi dục tương ứng, tức thuộc về Xúc.

Hỏi: Năm thọ căn là nghĩa gì?

Đáp: Tùy thuận nơi xứ Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả, tức nghĩa của sáu căn.

Hỏi: Tín căn là nghĩa gì?

Đáp: Nên được nên bỏ đối với cảnh giới hiện có.

Hỏi: Tinh tấn căn là nghĩa gì?

Đáp: Tức đối với hai thứ hoặc được hoặc bỏ đều không lo sợ.

Hỏi: Niệm căn là nghĩa gì?

Đáp: Đối với Văn, Tư, Tu, nhớ giữ không quên.

Hỏi: Định căn là nghĩa gì?

Đáp: Là Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Huệ căn là nghĩa gì?

Đáp: Là đối tượng được nhận biết chân thật.

Hỏi: Vị tri Dục tri căn là nghĩa gì?

Đáp: Người tu hiện quán đế, từ pháp thiện dục trở đi, ở trong tất cả đạo phương tiện, tức nghĩa của năm căn kia, nên biết là nghĩa này.

Hỏi: Dĩ tri căn là nghĩa gì?

Đáp: Từ quả Dự Lưu cho đến định Kim Cang dụ, tức nghĩa của năm căn kia, nên biết là nghĩa này.

Hỏi: Cự tri căn là nghĩa gì?

Đáp: Từ đạo Vô học thứ nhất, cho đến giới Niết bàn vô dư, tức nghĩa của năm căn kia, nên biết là nghĩa này.

Hỏi: Bao nhiêu thứ căn có sắc, là nghĩa có sắc?

Đáp: Bảy thứ.

Hỏi: Bao nhiêu thứ Vô sắc, là nghĩa có sắc Vô sắc?

Đáp: Trừ Mạng căn, là tất cả căn còn lại.

Hỏi: Bao nhiêu thứ căn, phi hữu sắc phi Vô sắc, là nghĩa phi hữu sắc phi Vô sắc?

Đáp: Tức mạng căn này là pháp giả.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có kiến, là nghĩa có kiến?

Đáp: Tất cả không phải là có kiến. Một thứ có sắc, do có kiến là nghĩa và một phần của phi hữu sắc còn lại.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có đối, là nghĩa có đối?

Đáp: Bảy thứ có sắc và một phần của không sắc không đối còn lại.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Hữu lậu, là nghĩa Hữu lậu?

Đáp: Chỉ bảy thứ. Trừ hai căn sau cùng và khổ căn, ưu căn, các Hữu lậu Vô lậu, do là nghĩa Hữu lậu Vô lậu, nên biết là Khổ căn. Hữu lậu Vô lậu, do là nghĩa Hữu lậu, là Ưu căn. Hữu lậu, do là nghĩa Hữu lậu Vô lậu, là Vị tri Dục tri căn. Nếu xa quả Sa-môn, thuộc về Hành của thế gian là Hữu lậu. Nếu gần quả Sa-môn, thuộc về Hành xuất thế

gian là Vô lậu.

Hỏi: Bao nhiêu thứ căn là Hữu vi, là nghĩa Hữu vi?

Đáp: Tất cả là Hữu vi, tám thứ là nghĩa Hữu vi. Các Hữu vi còn lại là nghĩa Vô vi.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Hữu tránh, là nghĩa Hữu tránh (có tranh chấp)?

Đáp: Như nói về Hữu lậu, nên biết ở đây cũng thế.

Như nói về Hữu tránh, nên biết Hữu ái vị, dựa nơi sự tham đắm, thế gian xuất thế gian v.v... cũng vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là quá khứ, là nghĩa quá khứ?

Đáp: Trừ Căn hữu sắc và Khổ căn, là một phần có nghĩa còn lại. Nếu căn hữu sắc và khổ căn ở nơi quá khứ, là nghĩa chẳng phải quá khứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ là quá khứ, là nghĩa hiện tại?

Đáp: Tức như đã nói về một phần, nên biết ở đây, tại quá khứ do là nghĩa vị lai. Lại, tức ở đây nơi hiện tại do là nghĩa quá khứ, vị lai.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là hiện tại, là nghĩa hiện tại?

Đáp: Tất cả căn có sắc và khổ căn, cùng một phần đã nói ở trước. Lại một phần nầy tại vị lai, do là nghĩa quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu các Sắc căn tại vị lai, là nghĩa chẳng phải vị lai. Khổ căn cũng thế.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ căn hệ thuộc cõi dục? Là nghĩa hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Có bốn. Hai thứ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, là nghĩa hệ thuộc cõi Dục. Ba thứ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, là nghĩa hệ thuộc cõi dục, cõi sắc. Hai thứ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc cùng không hệ thuộc, là nghĩa hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, cõi Vô sắc cùng không hệ thuộc. Bảy thứ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc, cõi Vô sắc cùng không hệ thuộc, về nghĩa kia cũng thế. Một thứ hệ thuộc cõi Sắc cùng không hệ thuộc, là nghĩa tất cả hệ thuộc không hệ thuộc. Hai thứ không hệ thuộc tất cả hệ thuộc, là nghĩa không hệ thuộc.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là thiện, là nghĩa thiện?

Đáp: Tám thứ chỉ thiện, là nghĩa thiện bất thiện Vô ký. Năm thứ là thiện bất thiện Vô ký, là nghĩa thiện bất thiện Vô ký. Một thứ là thiện bất thiện, là nghĩa thiện bất thiện Vô ký. Năm thứ là Vô ký, là nghĩa Vô ký. Hai thứ là Vô ký, là nghĩa thiện bất thiện Vô ký.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là Học, là nghĩa Học, như thế v.v...?

Đáp: Chín thứ là Học, Vô học, phi Học phi Vô học, là nghĩa do ba thứ. Bảy thứ là phi Học phi Vô học, tức do đấy là nghĩa. Một thứ chung

cho cả ba loại, là nghĩa phi Học phi Vô học. Một thứ là Học, phi Học phi Vô học, là nghĩa do ba loại. Hai thứ là Học, là nghĩa do ba loại. Một thứ là Vô học, là nghĩa do ba loại.

Hỏi: Bao nhiêu thứ do Kiến đạo đoạn? Là nghĩa Kiến đạo đoạn như thế v.v...?

Đáp: Mười bốn thứ, một phần do Kiến đạo đoạn, một phần do Tu đạo đoạn. Mười hai thứ, một phần do Tu đạo đoạn, một phần không phải đoạn. Ở đây, các căn có sắc là nghĩa do Kiến đạo, Tu đạo đoạn. Các căn không sắc, là nghĩa của ba loại đoạn (Kiến đạo đoạn, Tu đạo đoạn, và Không đoạn)

Hỏi: Có bao nhiêu căn, nơi nghĩa xả bỏ, tạp nhiễm đã hiển bày?

Đáp: Trừ các thiện căn, do các thiện căn, nơi nghĩa xả bỏ, thanh tịnh đã hiển bày.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là nghĩa điên đảo?

Đáp: Trừ các thiện căn, là nghĩa của sáu căn hiện có.

Hỏi: Có bao nhiêu căn, là chỗ dựa của điên đảo?

Đáp: Là bảy sắc căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn, tự tánh là điên đảo?

Đáp: Là phần ít của sáu căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đối trị điên đảo?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn quán nghĩa lỗi lầm?

Đáp: Hoặc tám, hoặc năm, hoặc một.

Hỏi: Nếu các Hành kia cũng có bốn đức tương ưng có thể đạt được. Vì sao chỉ quán là lỗi lầm? Bốn Đức là gì?

1. Đức trụ vững chắc: Nghĩa là như một uẩn trụ, trải qua trăm năm nếu bị đứt bị gãy, hoặc có khi vượt hơn.

2. Đức uy lực: Nghĩa là có thể sanh vui cùng hiện bày thanh tịnh.

3. Đức chuyển biến: Nghĩa là dẫn dắt, tu trị, thọ dụng, dứt bỏ, tự tại mà chuyển.

4. Đức đáng vui thích: Nghĩa là dựa nơi xứ kia, sanh khởi vô số thứ sáng rõ. Đó gọi là các Hành có bốn tướng đức.

Đáp: Tuy có, đối với các pháp kia của thế gian giữ lấy làm công đức, nhưng tất cả đều là chỗ gắn liền với những lỗi lầm.

Hỏi: Những gì gọi là các lỗi lầm?

Đáp: Tuy trụ nơi thời gian ít không phải là trọn vẹn, nên vô thường của Ái biến đổi hiện có thể đạt được. Vô thường của tử mất hiện có thể thấy được, nên quán các Hành là đức thứ nhất.

Lại có thể phát sanh vô số khổ não hiện có thể đạt được, phát sanh vô số bất tịnh hiện có thể thấy được, nên quán các Hành lià đức thứ hai.

Lại, đối với già, bệnh, chết không thuận theo chỗ mong muốn, hiện có thể thấy được, nên quán các Hành lià đức thứ ba.

Lại, các thứ trùng ăn phân và heo, chó v.v... cũng rất ưa thích các thứ phân ối, bất tịnh hiện có thể thấy được, nên quán các Hành lià đức thứ tư. Do các Hành kia lià các công đức, do đó tương ứng với tất cả lỗi lầm, nên phải quán chúng gồm đủ những lỗi lầm.

Hỏi: Xứ nương dựa của Nhân căn là gì?

Đáp: Là xứ dựa thấy sắc.

Hỏi: Cho đến Ý căn, Xứ nương dựa là gì?

Đáp: Điều giữ lấy tự cảnh làm xứ nương dựa.

Hỏi: Hai căn nam nữ, Xứ nương dựa là gì?

Đáp: Xứ nương dựa là hành tập dục.

Hỏi: Xứ nương dựa của Mạng căn là gì?

Đáp: Là Hữu của thời trước cho đến Tử Hữu, là Xứ nương dựa.

Hỏi: Các Thọ căn, Xứ nương dựa là gì?

Đáp: Là nơi các cảnh giới vừa ý không vừa ý, hoặc yêu thích hoặc giận dữ làm Xứ nương dựa.

Hỏi: Tín căn, Xứ nương dựa là gì?

Đáp: Hướng nhập nơi pháp thiện là Xứ nương dựa.

Hỏi: Xứ nương dựa của Tinh tấn căn là gì?

Đáp: Đã nhập nơi pháp thiện, thường xuyên tu tập là Xứ nương dựa.

Hỏi: Xứ nương dựa của Niệm căn là gì?

Đáp: Chánh tri mà hành là Xứ nương dựa.

Hỏi: Định căn lấy gì làm Xứ nương dựa?

Đáp: Trí kiến thanh tịnh là Xứ nương dựa.

Hỏi: Huệ căn lấy gì làm Xứ nương dựa?

Đáp: Phiền não vĩnh viễn đoạn trừ, là nơi chốn nương dựa.

Hỏi: Vị tri Dục tri căn lấy gì làm chốn nương dựa?

Đáp: Chứng đắc quả Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, là chốn nương dựa.

Hỏi: Dĩ tri căn lấy gì làm chốn nương dựa?

Đáp: Cho đến Định Kim cang dục, đã chứng đắc quả Sa-môn Vô học, là nơi chốn nương dựa.

Hỏi: Cụ tri căn lấy gì làm chốn nương dựa?

Đáp: Phiền não không gián đoạn đã hoàn toàn dứt trừ, tác chứng, chỗ dựa của hiện pháp lạc trụ đã vĩnh viễn vắng lặng, là nơi chốn nương dựa.

Hỏi: đức Thế Tôn đã dựa vào căn xứ nào để nói như vậy:

“Thân này có sắc thô, cận hình thành, bốn đại tạo nên, từ chất bất tịnh của cha mẹ hòa hợp sinh ra, nhờ vô số thứ ăn uống để nuôi lớn, luôn nhờ sự che phủ, tắm rửa v.v... là pháp hủy hoại, tan diệt?”

Đáp: Dựa vào bảy sắc căn. Nên biết ở đây là lược nói về các căn có sắc của cõi dục. Câu đầu nói về cộng tướng của Thân kia. Câu thứ hai nói về tự tướng. Tiếp theo có ba câu, nói về tướng nhân, nghĩa là nhân nương dựa, nhân sanh khởi, nhân sanh rồi tăng trưởng. Tiếp đến có ba câu, nói về tướng chuyển biến kia, nghĩa là những tác động của lạnh, nóng, mệt mỏi. Sau có bốn câu nói về tướng biến hoại ấy. Tức hai câu đầu nói về những tác động bức bách tổn hại của cuộc sống. Hai câu sau nói về những tác động sau khi chết, hoặc do kẻ khác, hoặc tự nhiên nên biến hoại, phải biết.

Hỏi: đức Thế Tôn dựa vào căn xứ nào, để nói: “Đi xa, đi một mình, không thân, ngủ nghỉ nơi hang, hầm!”.

Đáp: Dựa vào xứ của Ý căn. Do từ thời vô thủy của biên vực trước đã duyên khắp tất cả cảnh của đối tượng nhận thức, nên gọi là đi xa (Viễn hành). Các tâm nối tiếp, mỗi mỗi chuyển biến, không có chủ thể, nên gọi là đi một mình (độc hành). Không sắc, không kiến, cũng không đối, gọi là không thân, nương dựa nơi Sắc nên gọi là ngủ nghỉ nơi hang, hầm.

Hỏi: Dựa nơi căn xứ nào để nói như vậy: “Do tám xứ sở nên người nam bị người nữ trói buộc. Nghĩa là ca múa, vui cười, liếc mắt, nhan sắc tươi đẹp, tiếp xúc khéo léo v.v...”

Đáp: Dựa vào hai căn Nam Nữ. Vào lúc dạo chơi, do bốn xứ trói buộc. Nơi lúc thọ dụng cũng do bốn xứ trói buộc.

Hỏi: Dựa nơi căn xứ nào để nói: “Chúng sanh sinh sống, trụ giữ an ổn”

Đáp: Dựa vào mạng căn mà nói. Có các hơi thở nên gọi là chúng sanh. Xét lường tương ứng nên gọi là sanh sống. Cùng với thứ khác mà ở nên gọi là trụ. Tăng thượng mà chuyển nên gọi là Giữ. Không có bệnh nào hại nên gọi là an ổn.

Hỏi: Dựa nơi căn xứ nào để nói: “Thọ nhận bình đẳng chánh đáng thuộc về Thọ”

Đáp: Dựa vào Hỷ căn, Lạc căn. So sánh về tự tướng, cộng tướng

của Thọ còn lại nơi tướng nương dựa được hiển bày. Như bình đẳng chánh đáng, không bình đẳng chánh đáng, phi bình đẳng chánh đáng, phi bất bình đẳng chánh đáng, như chỗ thích hợp, nên biết.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi căn xứ nào để nói: “Nơi trụ xứ của Như lai, căn tin tướng thanh tịnh, sâu vững sinh khởi, kiến lập. Hết thấy thế gian, hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên ma phạm không có ai như pháp có thể dẫn đến giải thoát!”.

Đáp: Dựa vào Tín căn để nói. Ở đây là hiển bày nghĩa: Sự tin tưởng kia đối với Văn, Tư, Tu đạt thắng giải kiên cố. Lại, sự kiên cố này, tuy theo chỗ tin, hiểu, tạo phương tiện hiển bày, chỉ rõ. Nghĩa là bậc Chủ tịnh Trí sanh tối thắng hãy còn không thể làm động, hướng chi là hạ bình thường. Lại, nghĩa kiên cố có sai biệt. Tức sự tin tưởng sâu vững, do pháp thiện của thế gian quyết định Thắng giải làm căn bản cho thắng giải xuất thế gian. Lại, do Thắng giải thanh tịnh xuất thế gian được kiến lập, nên biết câu đầu tiên là nêu dẫn, hai câu sau là giải thích.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi căn xứ nào để nói:

*“Trụ có thế, có căn
Có dũng kiện, vững mạnh
Ở trong các pháp thiện
Thường không bỏ nẻo thiện”.*

Đáp: Dựa vào Tinh tấn căn mà nói. Căn tinh tấn này lược hiển bày về tướng sai biệt có năm:

1. Tinh tấn mặc áo giáp.
2. Tinh tấn phương tiện.
3. Tinh tấn không hạ.
4. Tinh tấn không động.
5. Tinh tấn không biết đủ.

Hỏi: Đức Thế Tôn dựa vào căn xứ nào để nói:

*“Niệm cùng niệm theo niệm
Niệm riêng, niệm không quên
Tâm ghi rõ không mất
Pháp không quên, không mất.”*

Đáp: Dựa vào Niệm căn để nói. Nghĩa sai biệt ở đây như nơi Phần “Nhiếp dị môn” (Gồm sáu môn khác) đã nói nên biết.

Hỏi: Đức Thế Tôn dựa nơi căn xứ nào để nói:

*“Khiến Tâm trụ cùng trụ
An trụ và cận trụ*

Điều (phục) tịch tĩnh, tịch chỉ
Tánh một hướng đẳng trì”.

Đáp: Dựa vào định căn để nói. Về nghĩa sai biệt ở đây, như nơi địa Thanh văn đã nói nên biết.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã dựa nơi căn xứ nào để nói:

*“Lựa chọn pháp
Lựa chọn kỹ
Tìm biết khắp
Quán xét khắp.”*

Đáp: Là dựa vào Huệ căn để nói. Nghĩa sai biệt ở đây, cũng như nơi địa Thanh Văn đã nói nên biết.

Các thiện căn còn lại, thuộc về Tín v.v... về nghĩa sai biệt, hầu như không có.

Hỏi: Đối với bao nhiêu căn xứ để lập Thân niệm trụ?

Đáp: Bảy căn.

Hỏi: Đối với bao nhiêu căn xứ để lập Thọ niệm trụ?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Đối với bao nhiêu căn xứ để lập Tâm niệm trụ?

Đáp: Một căn.

Hỏi: Đối với bao nhiêu căn xứ để lập Pháp niệm trụ?

Đáp: Tám căn sau cùng và Mạng căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn tối thắng là chỗ dựa của Khổ đế?

Đáp: Chín căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn tối thắng là chỗ dựa của Tập đế?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là chỗ dựa của Diệt đế?

Đáp: Hết thấy.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là chỗ dựa của Đạo đế?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để tư duy về đối tượng được tư duy là thiện?

Đáp: Chín căn.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để thuyết giảng về đối tượng được thuyết giảng là thiện?

Đáp: Mười căn.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để tạo tác nơi đối tượng được tạo tác là thiện?

Đáp: Mười sáu căn.

Như vậy, tư duy về đối tượng được tư duy là Ác, thuyết giảng về đối tượng được thuyết giảng là Ác, tạo tác về đối tượng được tạo tác là Ác, như chỗ thích hợp, nên biết.

Hỏi: Có bao nhiêu căn tối thắng, là chỗ dựa của Hoặc nghiệp?

Đáp: Chín căn.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để khởi phiền não, nghiệp?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Dựa vào bao nhiêu căn xứ để đoạn phiền não, nghiệp?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Hỏi: Do bao nhiêu căn nên nhận lãnh tất cả an lành hiện có của thế gian và xuất thế gian?

Đáp: Trừ hai căn.

Hỏi: Do bao nhiêu căn nên nhận lãnh tất cả an lành bị hủy hoại?

Đáp: Mười một căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn có thể dẫn khởi an lành hiện có?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Lại nữa, như đức Thế Tôn nói: Những người thọ nhận mong muốn, lược có năm loại tạo pháp an lành, đó là:

1. Nhẫn nhục.
2. Nhu hòa.
3. Quán người mà bỏ.
4. Hành hạnh hiền thiện.
5. Không phóng dật.

Thế nào là Nhẫn nhục? Nghĩa là do ba thứ hành tướng, nên biết:

1. Không phẫn nộ.
2. Không báo oán.
3. Không mang tâm Ác.

Nếu phân biệt riêng thì có mười thứ:

1. Nhẫn khi đã nhận oán hại.
2. Nhẫn đối với oán hại hiện tiền.
3. Nhẫn đối với oán hại lo sợ.
4. Nhẫn đối với oán ghét tạo ích lợi.
5. Nhẫn đối với sợ tổn hại bản thân.
6. Nhẫn đối với tất cả tổn hại.
7. Nhẫn đối với tất cả nhân oán hại.
8. Nhẫn đối với oán hại thọ giáo.
9. Nhẫn đối với oán hại chọn sức.
10. Nhẫn đối với oán hại tự tánh.

Tất cả như thế nói chung gọi là Nhẫn chịu đối với điều trái, hại.

Thế nào là Nhu hoà? Nghĩa là tánh hiền thiện, do thân ngữ ý luôn che chở kẻ khác khiến không nào hại. Nếu kẻ khác vốn có những hỷ lạc vô tội, chưa sanh thì khiến sanh, sanh rồi thì theo đấy mà giữ gìn giúp. Nếu là ưu khổ có tội, chưa sanh thì ngăn chặn khiến không sanh, đã sanh thì tìm phương tiện khiến thoát khỏi. Ở đây, nhẫn nhục là chịu đựng sự trái, hại của kẻ khác, còn nhu hòa là đối với kẻ khác không tạo sự trái phạm, tổn hại.

Như thế gọi là sự sai biệt của hai thứ.

Nên biết, quán người có hai lúc sai biệt:

1. Lúc thâm nhận.
2. Lúc xử trí.

Vào lúc thâm nhận, nên dùng năm tướng để quan sát kẻ ấy, sau đó mới thâm nhận:

1. Do thành thật quay về.
2. Do kỹ năng.
3. Do trí huệ.
4. Do hành tích.
5. Do khiêm tốn.

Khi xử trí, cũng dùng năm tướng để quán xét kẻ ấy, sau đấy mới xử trí:

1. Có thể hành xử nghiệp gây tạo, ở yên trong nghiệp gây tạo.
2. Có thể hành xử nghiệp tư duy, ở yên trong nghiệp tư duy.
3. Có thể hành xử nghiệp hòa hợp, ở yên trong nghiệp hòa hợp.
4. Có thể hành xử nghiệp bảo hộ thân mạng tài sản, ở yên trong nghiệp bảo hộ thân mạng tài sản.
5. Có thể hành xử nghiệp pháp, ở yên trong nghiệp pháp.

Về xả bỏ, lược có năm thứ:

1. Do địa nên xả bỏ.
2. Do cửa cải nên xả bỏ.
3. Tùy chỗ thích ứng nên xả bỏ.
4. Do ăn uống nên xả bỏ.
5. Do tối thắng nên xả bỏ.

Ở đây, xả tướng, xả vật dụng gọi là Xả.

Hạnh hiền thiện: Là tánh đối với kẻ khác không hề chống trái, không hề lừa dối. Về không hề chống trái lại có năm loại:

1. Không chống trái vì điên đảo.
2. Không chống trái vì gượng tin theo.

3. Không chống trái vì thừa sự.
4. Không chống trái vì kế ước.
5. Không chống trái vì phương tiện khác.

Không phóng dật: Là tu tập các pháp thiện, ngăn giữ tâm bất thiện. Nhân quả cùng hệ thuộc, nên cùng ứng hợp là tướng kia. Nên biết, đây lại có năm loại:

1. Không phóng dật do cầu đạt của cải.
2. Không phóng dật do giữ gìn của cải.
3. Không phóng dật do bảo hộ thân.
4. Không phóng dật do bảo hộ danh tiếng.
5. Không phóng dật do hành pháp.

Như thế, tất cả gồm có năm Lực có thể sanh khởi an lành:

1. Lực của Thi-La (Giới) thiện.
2. Lực của bạn bè thiện.
3. Lực của tâm không gian lận.
4. Lực có thể tin tưởng thực sự.
5. Lực của pháp.

Nên biết, An lành cũng có năm thứ:

1. Nhiều người yêu thích.
2. Giàu sang tự tại.
3. Oán địch được hàng phục.
4. Tạo lợi ích làm chỗ dựa.
5. Đi đến các nẻo thiện.

Bốn thứ Lực trước có thể sanh khởi chung bốn thứ an lành. Một Lực thứ năm có thể sanh khởi an lành thứ năm.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là chỗ chiêu cảm các nghiệp phiền não trước?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là duyên của Danh sắc?

Đáp: Một căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là duyên của Xúc?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là duyên của sự thúc đẩy, gắng sức?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nên ngăn giữ?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nên điều phục khiến tịch tĩnh?

Đáp: Một căn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nên khiến cho dừng lặng?

Đáp: Năm căn.

Hỏi: Hỏi: Có bao nhiêu căn tự tánh thuận hợp nơi tịch tĩnh dừng lặng, lại có thể điều phục khiến tịch tĩnh, dừng lặng?

Đáp: Tám căn.

Thế nào là xả các căn được xả bỏ? Nghĩa là các căn của Địa, Giới đồng phạm diệt, căn khác sanh khởi.

Thế nào là các căn được lìa bỏ? Nghĩa là các căn của Địa, Giới không đồng phạm diệt, các thứ khác sanh khởi.

Thế nào là các căn được đoạn trừ? Nghĩa là đoạn trừ tất cả phiền não đã trói buộc các căn kia.

Thế nào là các căn thối chuyển? Nghĩa là mọi thứ hoại mất hiện có hoặc định hoặc sanh của thế gian hưng thịnh.

Hỏi: Các căn của hàng Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát có những sai biệt gì?

Đáp: Nên biết những sai biệt ấy lược có năm loại:

1. Sai biệt về phẩm loại.
2. Sai biệt về nhận giữ.
3. Sai biệt về thâm phục.
4. Sai biệt về chánh hành.
5. Sai biệt về chứng đắc.

Sai biệt về Phẩm loại: Nghĩa là căn của các Bồ tát về tánh là phẩm thượng. Các căn hiện có của hàng Thanh văn, Độc giác là phẩm hạ phẩm trung.

Sai biệt về Nhận giữ: Tức căn của các Bồ tát đối với tất cả Minh xứ đều khéo léo nhận giữ. Các căn hiện có của hàng Thanh văn, Độc giác chỉ khéo léo nhận giữ một phần Minh xứ.

Sai biệt về thâm phục: Tức căn của các Bồ tát là đại bi rộng mở. Căn của hàng Thanh văn, Duyên giác thì không như thế.

Sai biệt về Chánh hành: Căn của các Bồ tát là chánh hành của tự lợi, lợi tha hiện tiền. Các căn hiện có của hàng Thanh văn, Độc giác chỉ là tự lợi hiện tiền.

Sai biệt về chứng đắc: Căn của chư Bồ tát chứng đắc quả đại Bồ đề vô thượng. Các căn hiện có của hàng Thanh Văn, Độc giác chỉ chứng đắc hai quả Bồ đề hạ, trung.

Hỏi: Nếu Bồ-đặc-già-la dựa nơi Định Vị chí, tu hiện quán đế, lúc vị ấy đắc quả Tĩnh lự thứ nhất, khởi Hỷ căn hiện tiền hay là không khởi?

Đáp: Có trường hợp có thể khởi, có trường hợp không thể khởi.

Nếu là Hữu tình có lợi căn, có rất nhiều sự hỗ trợ của gốc thiện, thì vị ấy có thể hiện khởi. Trường hợp khác thì không.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhập Tĩnh lực thứ nhất?

Đáp: Tám căn. Một phần của ba căn sau có thể nhập, một phần thì không. Như Tĩnh lực thứ nhất, Tĩnh lực thứ hai cũng thế. Tĩnh lực thứ ba cũng có tám căn có thể nhập. Nhưng Tĩnh lực thứ tư và các định Vô sắc thì chỉ có bảy căn có thể nhập. Ba căn sau, một phần có thể nhập, một phần không thể nhập.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đạt được quả Dự lưu?

Đáp: Hoặc một, hoặc tám, hoặc hai, hoặc chín. Đạt được quả Nhất lai cũng vậy. Về Ưu căn, tuy là chỗ dựa của Đạo, nhưng không phải thuộc về đạo nên ở đây không chọn lấy. Hỷ căn không trụ vững nên ở đây cũng không chọn lấy. Nếu chọn lấy chung thì phải tăng về số lượng.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đạt được quả Bất hoàn?

Đáp: Hoặc mười một, hoặc hai. Về Ưu căn thì cũng như trước nên biết.

Hỏi: Có bao nhiêu căn đạt được quả A-la hán?

Đáp: Hoặc một, hoặc mười.

Như Kinh nói: “Đối với giải thoát trên mong, cầu, ưa thích.”

Thế nào là mong? Nghĩa là người tu hành suy nghĩ: Xứ ấy, các bậc Thánh có thể an trụ đầy đủ.

Thế nào là cầu? Nghĩa là người tu hành khởi suy nghĩ: Ta đối với xứ ấy phải an trụ đầy đủ.

Thế nào là thích (lo lắng)? Nghĩa là đối với điều thấp kém không sanh biết đủ.

Thế nào là ưu (lo nghĩ)? Nghĩa là đối với nẻo vô thượng tâm sanh mến mộ.

Ở đây, quả Dự lưu, Nhất Lai, đối với tất cả các thứ vừa nêu đều đầy đủ, nên kiến lập Ưu căn. Còn quả Bất Hoàn, tuy có hai thứ đầu nhưng hai thứ còn lại thì không, nên không lập Ưu căn, vì chỉ là Dục của pháp thiện,

Hỏi: Từng có trường hợp dựa nơi Hỷ căn, có thể xả Hỷ căn, Ưu căn, Xả căn chăng?

Đáp: Có, Nghĩa là nương dựa Hỷ căn xuất ly làm chỗ dựa nên xả chỗ dựa về tham đắm nơi ba căn.

Hỏi: Từng có trường hợp dựa nơi Ưu căn để xả Ưu căn chăng?

Đáp: Có. Tức nương nơi sự xuất ly làm chỗ dựa, nên xả phần dựa nơi tham đắm.

Hỏi: Từng có trường hợp nương dựa nơi Xả căn để xả Xả căn chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là nương nơi một tánh Xả làm chỗ dựa nên Xả, dựa nơi Vô số tánh để Xả. Không chỗ dựa để xả làm chỗ dựa nên Xả, là dựa nơi một tánh để Xả,

Lúc được quả Dự lưu, Vị tri Dục tri căn cũng diệt, cũng Xả, không phải khởi mà bỏ, không phải đoạn, không phải thối chuyển.

Lúc đắc quả A-la-hán thì Dĩ tri căn, về lý nên biết cũng thế.

Hỏi: Bao nhiêu Bồ-đặc-già-la có Luyện căn?

Đáp: Là tất cả bậc Hữu học cùng Vô học. Năm căn thối chuyển, xét giữ, trụ nơi chủng tánh có thể đạt được, không phải là các độc giác, cũng không phải Bồ tát tánh lợi căn.

Hỏi: Nếu người Dự lưu, lúc tu luyện căn, đã được luyện căn, cũng chứng quả Nhất lai chăng?

Đáp: Cũng chứng.

Hỏi: Cũng chứng quả Bất Hoàn chăng?

Đáp: Không chứng. Vì đối trị khó được, chỗ ứng hợp được nghĩa là rất rộng lớn.

Hỏi: Nếu là người Bất Hoàn, lúc tu luyện căn, đã được luyện căn, cũng tinh tấn lìa Dục chăng?

Đáp: Cũng tinh tấn.

Hỏi: Cũng chứng quả A-la-hán chăng?

Đáp: Không chứng. Do nhân trước, nên chuyển căn trở về sau, tất cả đều chứng.

Hỏi: Vì sao chuyển căn?

Đáp: Do đối với sự thăng tiến còn mỏng, ít, không sanh biết đủ. Vì nhằm vun trồng khiến dẫn phát định lực thù thắng. Vì nhằm gieo trồng lực đa Văn. Vì nhằm vun trồng lực quán xét pháp nhãn thâm diệu.

Hỏi: Các vị Bồ tát, đối với ba căn như Vị tri Dục tri v.v... làm sao kiến lập ba căn như Vị tri Dục tri v.v... làm sao kiến lập?

Đáp: Nơi địa Hành Thắng giải, kiến lập căn thứ nhất

Nơi địa Ý lạc tăng thượng thanh tịnh, kiến lập căn thứ hai.

Nơi địa Như Lai, kiến lập căn thứ ba.

Hỏi: Do bao nhiêu thứ viên mãn gọi là Học viên mãn?

Đáp: Do ba thứ viên mãn.

1. Căn viên mãn. Nghĩa là Lợi căn.

2. Định viên mãn. Nghĩa là tám định Giải thoát.

3. Quả viên mãn. Nghĩa là Quả Bất Hoàn.

Nếu các bậc Vô học có được hai thứ viên mãn:

Một là căn Viên mãn, nghĩa là pháp Bất động.

Hai là định Viên mãn, như trước đã nói, nên biết tất cả bậc Vô học đều do Quả viên mãn, mới được gọi là Viên mãn.

Hỏi: Như nói các căn không điều phục, không giữ gìn, không hộ, không phòng, cũng không tu tập. Vậy những sai biệt về tên gọi ấy có nghĩa gì?

Đáp: Lược nêu, do bốn nhân duyên nên các căn gọi là không điều phục. Nghĩa là do Lực phân biệt, lựa chọn làm chỗ dựa, nên đối với các cảnh giới, nếu không nên buông thả các căn, thì liền khởi gia hạnh khiến không phóng dật. Nếu nên buông thả, liền khởi gia hạnh buông thả các căn kia, giúp cho các phiền não khiến không hiện khởi. Do Lực đối trị đoạn trừ làm chỗ dựa, tức đối với cảnh giới như trước đã nói, vì tánh không chấp trước, vì tánh đối với phiền não không còn hiện hành. Nếu không có bốn thứ ấy điều phục các căn, nên biết căn kia gọi là không điều phục.

Do không giữ gìn, nên không Hộ, nên không phòng, nên không tu tập. Nếu có bốn thứ ấy điều phục các căn, nên biết cùng với bốn thứ kia là trái nhau, gọi là điều phục, cho đến tu tập.

Thế nào là không điều phục, có thể dẫn đến các khổ? Nghĩa là có thể sinh khởi sáu thứ khổ:

1. Khổ sanh khởi do trụ nơi phiền não nhiều loạn.
2. Khổ do bị kẻ khác ruồng bỏ, xua đuổi,
3. Khổ do bị kẻ khác che bai.
4. Khổ do hối hận sanh khởi.
5. Khổ do sanh đến nẻo Ác.
6. Các khổ như sanh v.v...

Nếu các căn được khéo điều phục, nên biết là cùng với đây trái nhau, đoạn dứt sáu thứ khổ, dẫn đến những an lạc.

Hỏi: Mười bốn thứ căn, nơi ba Tụ hữu tình, là mười bốn gồm thấu ba, hay ba gồm thấu mười bốn?

Đáp: Ba gồm thấu mười bốn, không phải là mười bốn gồm thấu ba.

Những gì là không gồm thấu? Nghĩa là phần ít của ngoại xứ. Ba Tụ hữu tình: là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Hỏi: Năm căn, ba Thọ, là năm gồm thấu ba, hay ba gồm thấu

năm?

Đáp: Lại cùng gồm thâu lẫn nhau.

Hỏi: Năm căn, ba mươi bảy pháp phẩm Giác, là năm gồm thâu ba mươi bảy, hay ba mươi bảy gồm thâu năm?

Đáp: Là ba gồm thâu năm, không phải năm gồm thâu ba. Không gồm thâu những gì? Là các căn Ý, Lạc, Hỷ, Xả.

Hỏi: Chín Biến tri, có bao nhiêu căn gồm thâu?

Đáp: Chín Biến tri này là đoạn Biến tri gồm thâu, không phải thuộc về Căn. Những gì là chín? Nghĩa là:

1. Cõi Dục trói buộc Khổ, Tập, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ nhất.
2. Cõi Sắc, Vô sắc trói buộc Khổ, Tập, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ hai.
3. Cõi Dục trói buộc diệt, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ ba.
4. Cõi Sắc, Vô sắc trói buộc diệt, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ tư.
5. Cõi Dục trói buộc đạo, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ năm.
6. Cõi Sắc, Vô sắc trói buộc đạo, do kiến đạo đoạn trừ, là Biến tri thứ sáu.

7. Kiết phần dưới được đoạn trừ là Biến tri thứ bảy.

8. Ái cõi Sắc dứt hết là Biến tri thứ tám.

9. Ái cõi Vô sắc dứt hết là Biến tri thứ chín.

Nên biết, Biến tri lược do hai duyên mà được kiến lập:

1. Đoạn trừ do thông đạt Đế.
2. Đoạn trừ do Vĩnh viễn vượt qua Giới.

Do tướng đồng phạm, Giới không đồng phạm và đồng phạm nên lập hai Biến tri. Do Tướng không đồng phạm, Giới không đồng phạm và đồng phạm nên lập bốn Biến tri.

Vĩnh viễn vượt qua Giới kém nên lập một Biến tri. Vĩnh viễn vượt qua Giới diệt, nên lập một Biến tri.

Hỏi: Các tướng tùy hảo, các pháp Phật bất cộng như Lực, Vô úy v.v... có bao nhiêu căn gồm thâu?

Đáp: Các tướng tùy hảo là thuộc về chỗ dựa của Thiệt căn và bốn căn. Bốn căn là: Thân căn, Nam căn, Nhãn căn và Thiệt căn.

Mười Lực của chư Phật, là thuộc về Huệ căn trong Thân Như Lai cùng Cụ tri căn. Bốn Vô sở úy là thuộc về năm căn. Như Vô sở úy, Bất

hộ cũng thế. Ba thứ Niệm trụ không thuộc về căn, nhưng thuộc về không tham, không sân được dẫn từ sáu căn. Đại bi cũng thuộc về không sân không si, được dẫn từ sáu căn, chẳng phải thuộc về căn. Pháp không quên mất, nên biết là như lực. Nhất Thiết chủng Diệu trí của Phật cũng vậy. Vĩnh viễn đoạn trừ tập khí không phải thuộc về căn, nhưng thuộc về phần phiền não được diệt trừ vĩnh viễn do sáu căn chứng đắc.

Hỏi: Các thứ thô trọng hiện có nơi phẩm phiền não, bậc A-la-hán đã vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn. Vậy lại có những thô trọng của phẩm nào, bậc A-la-hán chưa có thể đoạn, do đoạn trừ chúng nên gọi là Như lai đã đoạn trừ vĩnh viễn tập khí?

Đáp: Những thô trọng nơi phẩm Dị Thục, bậc A-la-hán chưa có thể đoạn, chỉ có Như lai mới gọi là đoạn trừ rốt ráo.

Hỏi: Như kinh nói: Có bốn thứ ăn đều có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Vậy thế nào là bốn thứ ăn? Thế nào là nuôi lớn đại chủng của các căn?

Đáp: Đoạn thực, Xúc thực, Ý Tư thực, Thức thực, do bốn thứ Ăn này đã nuôi lớn năm sắc căn và Ý căn cùng đại chủng hiện có là chỗ dựa của căn.

Hỏi: Thế nào là đoạn thực?

Đáp: Là cách ăn các thứ thức ăn nếu có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Cùng với đây trái nhau, nên biết không phải là ăn. Như đoạn thực, chẳng phải là ăn của các thứ ăn khác, nên biết cũng thế.

Hỏi: Vì sao đoạn thực có thể tạo nên việc ăn, cho đến Thức thực cũng vậy?

Đáp: Nếu các đoạn thực có thể gồm thấu, tạo lợi ích cho Thức, khiến Thức mạnh mẽ, do đây nuôi lớn đại chủng của các căn cũng khiến cường thịnh. Xúc có thể thấu nhận hoặc Hỷ hoặc Lạc, hoặc một phần của Xả, do đây, lại có thể gồm thấu tạo lợi ích cho các Thức. Vì gồm thấu tạo lợi ích, nên lại có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Ý tư vì nhằm chứng đắc tướng của cảnh giới khả ái, dựa nơi chánh phương tiện, khởi Hỷ căn nhiễm không nhiễm, hy vọng, duyên nơi cảnh của vị lai, gồm thấu tạo lợi ích cho Thức, do đây nuôi lớn đại chủng của các căn. Như vậy, ba thứ Thực đã gồm thấu, tạo lợi ích cho Thức. Do Thế tăng thanh, cùng duyên nơi đời hiện tại, vị lai, nên Thức lại nuôi lớn đại chủng của các căn, do đó lập bốn thứ ăn.

Hỏi: Thế nào là Thức cùng với Ý căn là ăn?

Đáp: Do ba thứ cung cấp, nắm giữ các thứ đã nhận giữ, nên có thể cùng với các phần cung cấp càng về sau làm nhân tăng thanh, khiến

chúng được sanh.

Hỏi: Vì sao các thứ phạm hạnh, đẳng chí nơi mộng khi ngủ đều có thể nuôi lớn đại chủng của các căn mà không lập là ăn?

Đáp: Có hai thứ nuôi lớn:

1. Nuôi lớn do thâu nhận nghĩa riêng.
2. Nuôi lớn khiến không tổn hại.

Các pháp như mộng khi ngủ v.v... đối với sự nuôi lớn sau tuy có thể nuôi lớn, nhưng đối với thứ trước thì không, thế nên không lập.

Hỏi: Vì sao Mạng căn có thể nhận giữ Thân mà không lập là ăn?

Đáp: Vì nếu lìa nơi việc ăn thì Mạng căn kia trọn không thể nuôi lớn thân.

Hỏi: Vì sao đoạn thực gọi là Thô?

Đáp: Vì đây không phải là thức ăn của chư Thiên.

Hỏi: Những gì gọi là tế?

Đáp: Là các thức ăn của chư Thiên. Do chư Thiên ăn xong tức ở trong thân liền tự tiêu hóa, không phải dần dần.

Hỏi: Vì sao Xúc thực, Ý tư thực, Thức thực gọi là Thô?

Đáp: Nếu ở tại cõi Dục.

Hỏi: Những gì gọi là tế?

Đáp: Nếu ở tại cõi Sắc, Vô sắc.

Hỏi: Những gì gọi là hữu tình đã sanh?

Đáp: Nếu ở nơi hiện tại đã sanh, tăng trưởng.

Hỏi: Những gì gọi là hữu tình cầu Hữu?

Đáp: Nếu có mong cầu về các Hữu của vị lai.

Hỏi: Những gì gọi là Trụ?

Đáp: Nếu được nuôi lớn không tổn hại.

Hỏi: Những gì gọi là ăn?

Đáp: Nếu được thâu nhận, nuôi lớn.

Hỏi: Hữu tình đã sanh, vì sao do ăn mà được an trụ?

Đáp: Như trước đã nói, về lý nên biết.

Hỏi: Hữu tình cầu Hữu vì sao do ăn thâu nhận?

Đáp: Do ba môn, nên hai thứ tạp nhiễm tăng trưởng. Nghĩa là nghiệp, phiền não, là hai thứ tạp nhiễm dựa nơi Thức mà có. Do ba môn tạp nhiễm nuôi lớn Thức. Các hữu tình cầu Hữu, đối với sự sanh không gián đoạn thâu nhận Hữu khác.

Hỏi: Đoạn thực, vào lúc nào thì kiến lập làm “thực”?

Đáp: Vào lúc biến hoại, hoặc vào lúc thọ dụng thì kiến lập. Xúc thực do sự thâu nhận kia mới được tăng trưởng. Vì thế, đoạn thực thuộc

về ba xứ, nghĩa là Hương, Vị, Xúc được kiến lập làm “Thực”, không lập Sắc xứ, do Sắc xứ cần đến phần vị biến hoại như thế của vị chín muối mới tổn giảm, tăng thêm.

Hoặc có vật của đoạn thực, vào lúc thọ dụng có tổn hại, vào lúc biến hoại mới có thể gồm thu tạo lợi ích, như các thứ đắng, cay. Hoặc có vật của đoạn thực, vào lúc thọ dụng tạm làm việc gồm thu tạo lợi ích, vào lúc biến hoại lại là tổn hại. Như có vật ngon ngọt không thích hợp, nên lúc biến hoại mới lập làm “thực”, không phải lúc thọ dụng.

Hỏi: Ngoài ra, lại có rất nhiều pháp hành trụ nơi nhân có thể đạt được. Nghĩa là nghiệp đời trước sanh thân thông, nhân duyên hợp hội lia chướng ngại, vì sao chỉ nói bốn thứ ấy là “Thực”?

Đáp: Do nhiều phần, do dễ nhận biết, đối với các niệm trụ dễ hướng nhập, nơi mỗi mỗi ngày dễ cung cấp nuôi dưỡng, nên chỉ bốn thứ này cần hiển bày làm “Thực”.

Trong cõi Na-lạc-ca (địa ngục) không có đoạn thực. Chư Thiên nơi địa định cũng lại như thế. Các địa ngục phần nhiều do sự nhận giữ của nghiệp lực từ đời trước, nên được trụ lâu. Tuy có nhân duyên tổn hại nơi đại chủng của các căn rộng lớn, mà không thể chết, nhưng ở đây cũng có các ngọn gió vi tế tùy nhập nơi phần thân, lấy đó làm thức ăn, khó có thể nhận biết rõ, vì thế không nên.

Hỏi: Các căn dựa nơi Thân chuyển, cũng dựa nơi cảnh giới cảnh giới chẳng? Nếu như dựa nơi cảnh giới thì cũng dựa nơi thân chuyển chẳng?

Đáp: Nếu căn dựa nơi cảnh giới, tất dựa nơi Thân mà chuyển. Hoặc có trường hợp dựa nơi thân chuyển mà không dựa nơi cảnh giới, nghĩa là các căn có Sắc là bỉ đồng phạm, do các đại chủng làm chỗ dựa nên nói chúng dựa nơi thân.

Hỏi: Nếu các căn có chỗ dựa mà chuyển thì tất cả đều là một chỗ dựa chẳng?

Đáp: Hoặc có một chỗ dựa, nghĩa là các căn có sắc là bỉ đồng phạm. Hoặc có hai chỗ dựa, tức các căn có sắc là đồng phạm. Hoặc có ba chỗ dựa, đó là Ý căn cùng các căn khác tại giới có sắc của tâm sở Vô sắc. Nếu ở nơi Vô sắc tức các căn ấy chỉ có hai chỗ dựa.

Hỏi: Các căn là khổ, tất cả khổ cùng hợp chẳng? Nếu như khổ cùng hợp thì tất cả là khổ chẳng?

Đáp: Hoặc các căn là khổ mà không phải cùng hợp với khổ, nghĩa là Lạc căn, Hỷ căn. Hoặc có các căn là khổ cũng cùng hợp với khổ, nghĩa là Khổ căn, Ưu căn. Hoặc có căn là khổ nhưng không phải là

tướng Khổ, Lạc, nghĩa là Xả căn. Hoặc có căn không phải là khổ, cũng không phải là tướng khổ, nghĩa là ba căn sau, là đối trị khổ.

Hỏi: Các căn là thiện thì căn kia dẫn khởi lạc chăng? Nếu như căn dẫn khởi lạc thì căn ấy là thiện chăng?

Đáp: Hoặc căn là thiện nhưng không dẫn khởi lạc. Nghĩa là Ưu căn, Khổ căn cùng kết hợp tu phạm hạnh. Các thiện căn kia ở trong hiện pháp không thể dẫn khởi lạc. Hoặc căn dẫn khởi lạc nhưng không phải là Thiện, nghĩa là các căn Vô ký và Bất thiện, ở trong hiện pháp có thể dẫn khởi lạc Vô ký và nhiễm ô. Hoặc căn là thiện, cũng có thể dẫn khởi lạc, nghĩa là Hỷ căn, Lạc căn cùng kết hợp tu các phạm hạnh. Các thiện căn hiện có, ở trong hiện pháp có thể dẫn khởi lạc. Nghĩa là các căn Vô ký và Bất thiện, ở trong hiện pháp có thể dẫn các khổ. Tụng nêu:

Nghĩa dựa xứ chứng đắc.

Thâu thực do các câu.

Lại nữa, thâu giữ đầy đủ tất cả nghĩa hành. Thâu giữ đầy đủ tất cả nghĩa hành, do đó là Uẩn. Lại có nghĩa khác: thường có thể tăng trưởng phiền não của các nghiệp. Thường có thể tăng trưởng phiền não của các nghiệp, vì thế gọi là Uẩn. Lại có nghĩa khác: Thường có sự tạo tác cùng mau chóng diệt hoại. Thường có sự tạo tác cùng mau chóng diệt hoại, thế nên gọi là Uẩn.

Phát khởi các pháp. Phát khởi các pháp, do đó gọi là Giới, là nghĩa dẫn dắt.

Có thể sinh khởi, có thể mở rộng các Tâm, Tâm sở. Có thể sinh khởi, có thể mở rộng các Tâm, Tâm sở. Vì vậy gọi là Xứ.

Do nhiều duyên nên mau chóng tập khởi hoại diệt. Do nhiều duyên nên mau chóng tập khởi, hoại diệt, thế nên gọi là Duyên khởi.

Cùng khởi nghĩa lý sâu xa. Cùng khởi nghĩa lý sâu xa, vì vậy gọi là Xứ. Nếu chẳng phải là nghĩa lý sâu xa thì gọi là Phi Xứ.

Đối với các sự như kiến v.v... tự tại tương ứng. Đối với các sự như kiến v.v... tự tại tương ứng, thế nên gọi là Căn.

Nên biết, Uẩn v.v... lược do sáu nhân mà được kiến lập, đó là:

1. Kiến lập về Thể của Thân.
2. Kiến lập nhân kia.
3. Kiến lập phương tiện chuyển kia.
4. Kiến lập phương tiện hơn kém đối với sự chuyển kia.
5. Kiến lập đối với sự thọ dụng tăng thượng kia.

Lại lược hiển bày sáu thứ thiện xảo, nên biết là loại trừ sáu thứ tà chấp. Những gì là sáu thứ tà chấp?

1. Tà chấp về chỗ nương dựa.
2. Tà chấp về nhân không bình đẳng như tự tánh tự tại v.v..
3. Tà chấp về khả năng duy trì nương dựa nơi Ngã.
4. Tà chấp về sanh tử kia lưu chuyển.
5. Tà chấp về phương tiện tịnh, bất tịnh.
6. Tà chấp về chủ thể thọ dụng cảnh giới yêu thích không yêu thích.

Hỏi: Quán xét bao nhiêu thắng lợi, kiến lập phân biệt, lựa chọn các pháp, tu tập thiện xảo?

Đáp: Lược có mười thứ. Nghĩa là nên nhận biết khắp về Thân kiến, khởi tưởng phân tích hợp nhất. Đối với Đế hiện có của pháp có nên trụ, nên thuận hợp, không phỉ báng. Tự không nghi hoặc, khéo đáp các câu hỏi của kẻ khác, chưa tin khiến tin, đã tin khiến tăng trưởng, cũng khiến Thánh giáo của Như lai trụ lâu ở đời. Lại nên ngộ nhập đạo lý duyên khởi. Có thể hiểu rõ tự tánh của Thích, Phạm Thế chủ cùng sĩ phu bình đẳng, không có người tạo tác, không có thật tánh. Lại khiến cho Huệ căn tăng trưởng rộng lớn. Đối với điều thiện, bất thiện nhận biết rõ đúng như thật, nói rộng cho đến Duyên sanh sai biệt. Lại, đối với pháp thiện, bất thiện, nói rộng cho đến Duyên sanh sai biệt. Phải khéo trụ niệm. Do có pháp tùy pháp hành, tức dùng trụ niệm làm chỗ nương dựa để kiến lập, sẽ chứng tánh một cảnh của Tâm thiện. Lại dùng tánh một cảnh của Tâm ấy làm chỗ dựa để kiến lập khiến Huệ căn Thánh sẽ được sanh khởi. Nương nơi Huệ căn Thánh, đoạn trừ vĩnh viễn mọi điên đảo, tùy chứng dứt hết các lậu. Do quán các thắng lợi như thế, nên kiến lập phân biệt, lựa chọn các pháp, tu tập thiện xảo.

Đã lược “quyết trạch” về địa ý, và địa Năm Thức Thân. Ở trong hai địa, văn nói về “Quyết trạch” khác không nhắc lại nữa.

